



Năm Ngọ Nói Chuyện Ngựa

Đăng Anh Tuấn

Ngựa là loại động vật mà không biết từ lúc nào bị loài người chinh phục được, nuôi dưỡng và thuần hóa nó khiến nó trở thành từ đó một gia súc có lợi trong mọi cộng tác xê dịch, vận tải và chiến chinh. Nó là con vật không chỉ có sức mạnh phi thường, dẻo dai mà còn lại rất trung thành với chủ khiến nó được xem một vũ khí lợi hại trong binh mã. Những chiến công hiển hách ở đất nước ta đều có sự tham gia của ngựa. Bởi vậy vua chúa ta hay thường tri ân ngày xưa bằng cách tạc hình ngựa voi bằng đồng bằng đá cùng các quan văn quan võ với quân sĩ để minh chứng những thời oanh liệt của dân tộc ta chống ngoại xâm. Người với ngựa như hình với bóng trong thời chinh chiến, chia sẻ gian truân cùng chung số phận. Không chỉ nữ sĩ Đoàn Thị Điểm đã nhắc lại sự việc này trong « Chinh Phụ Ngâm»:

*Hơi gió lạnh người rầu mặt dạn
Dòng nước sâu ngựa nản chân bon
Ôm yên gối trống đã chôn
Năm vùng cát trắng, ngủ cồn rêu xanh*

Còn Thái Thượng Hoàng Trần Thánh Tông bùi ngùi khi trở về kinh thành sau chiến thắng giặc Nguyên Mông và thấy những con ngựa đá, chân còn dính bùn ở trước Ngọ môn, phải thốt lên trong lễ hiến phu hai câu thơ như sau:

*Xã tắc hai phen bon ngựa đá
Non sông thiên cổ vững âu vàng.*

Trong truyền thuyết nước ta có hai lần nhắc đến con ngựa. Lần đầu ở trong truyền thánh Gióng tức là Phù Đổng Thiên Vương. Dưới thời ngự trị của vua Hùng Vương thứ VI thì có giặc Ân-Thương ở bên Tàu rất hùng mạnh xâm chiếm nước ta. Vua buộc lòng sai người đi rao khắp nơi để kiếm người tài năng ra giúp nước diệt giặc. Lúc bấy giờ ở làng Phù Đổng tỉnh Bắc Ninh có một đứa trẻ còn nằm nôi, nghe sứ giả đi mộ khắp dân gian xem có ai phá được giặc thì ban cho tước lộc. Bé dậy hỏi mẹ, mẹ mới bảo rõ ràng như vậy. Thánh Gióng mới nói:

- Thế thì mẹ đem nhiều cơm đến đây cho con ăn
theo lời kể trong Việt Điện U Linh. Ngài mới ăn vài chén cơm.

Mấy tháng sau ngài cao lớn lên, rồi tự ra ứng mộ. Sứ giả thấy lạ mới đem ngài về kinh sư. Theo lời thỉnh cầu của ngài, vua mới cho người đúc một con ngựa sắt và một chiếc roi dài cũng bằng sắt. Sau khi ăn mấy nong cơm mới thổi xong, ngài mới vươn vai một cái thì ngài cao lớn hơn 10 thước rồi ngài nhảy lên lưng ngựa, cầm côn sắt mà hét lớn « *Ta là thiên tướng đấy* » rồi phi thẳng ra chiến trường. Ở nơi này, ngài thì hoa côn, ngựa thì phun lửa, giết vô số quân địch khiến côn gãy và buộc lòng nhỏ tre mà đánh tiếp khiến quân Ân tẩu tán khắp nơi. Sau đó ngài phóng ngựa lên núi Sóc Sơn rồi biến mất. Vua Hùng nhớ ơn mới truyền lập đền thờ ở làng Phù Đổng thuộc huyện Gia Lâm ngoài thành Hà Nội. Năm nào cũng có lễ hội để tưởng nhớ ngài cả vào ngày mùng 8 tháng 4.

Chúng ta nên nhớ lại nước ta rất rộng lớn lúc bấy giờ tên là Văn Lang được giáp tới Nam Hải (Quảng Đông) ở phía đông, phía tây với Ba Thục (hay Tứ Xuyên), ở phía bắc thì tới Động Đình hồ (Hồ Nam) và phía nam với vương quốc Hồ Tôn tức là Chiêm Thành (Champa). Dân tộc ta là nhóm dân Bách Việt còn sống thời đó ở vùng sông Dương Tử bên Tàu.

Trong Kinh Dịch được dịch bởi giáo sư Bùi Văn Nguyên thì tác giả có nói đến một cuộc viễn chinh quân sự được thực hiện trong vòng ba năm bởi vua hiếu chiến của nhà Ân-Thương tên là Vũ Định (Wu Ding) ở vùng Động Đình Hồ (Kinh Châu) chống lại các dân du mục, thường được gọi là « Quỷ ». Dù biết là truyền thuyết nhưng với các cuộc khai quật gần đây, các cuộc thí nghiệm ADN, thì truyền thuyết này không phải chuyện hoang đường mà nó nói lên có sự xung đột giữa dân tộc ta với nhà Ân. Bởi vậy nước Văn Lang không có thiết lập bất kỳ mối quan hệ thương mại nào ở thời đó với nhà Ân-Thương cả.

Lần thứ nhì, ngựa được nhắc đến trong truyền Sơn Tinh Thủy Tinh. Trong truyền thuyết này, vua Hùng vương thứ 18 có một người con gái là Mị Nương, sắc đẹp lạ thường. Khi đến tuổi lấy chồng, tiếng tăm của nàng lại càng vang lên ở khắp bốn phương. Nhà vua quyết định chọn cho nàng một người chồng tài giỏi. Lúc đó có hai

chàng trai, thông minh và tuấn tú, tình cờ đến cùng một lúc và xin cầu hôn Mị Nương. Một người được gọi là Sơn Tinh, chúa của các vùng núi non cao và các rừng sâu, còn người kia là Thủy Tinh, chúa của các sông nòi và biển cả thăm thẳm.

Băn khoăn, vua cha không biết phải chọn người nào vì cả hai đều có tài năng vô song và quyền lực vô hạn nên mới bày ra thử thách như sau: một trăm đĩa xôi, một con voi chín ngà, một con gà trống chín cựa, một con ngựa chín hồng mao. Người nào đem đến trước với sính lễ này được làm chồng của Mị Nương.

Ngày hôm sau, lúc rạng đông, Sơn Tinh đến trước với đầy đủ lễ vật và đưa người đẹp lên núi. Vừa hoang mang vừa tức giận, Thủy Tinh lao tới, dâng cao lên mực nước, quyết định vào núi bắt cóc Mị Nương. Sơn Tinh nâng núi cao hơn nữa. Thủy Tinh trổ tài năng của mình, đánh đuổi gió bão, sấm chớp làm rung chuyển cả núi rừng. Sơn Tinh giữ núi một cách vững vàng. Thủy Tinh nhờ đến thủy binh mà xông lên theo dòng nước, xông pha toàn lực. Sơn Tinh dùng các lưới sắt, cắt đường tiếp tế, lăn đá lấp hòn và đè bẹp các thủy quái trôi dạt vào bờ.

Chuyện này được kể lại trong Lĩnh Nam Chích Quái của Trần Thế Pháp dưới tên là Truyện núi Tản Viên. Cứ hàng năm cứ tháng bảy tháng tám dân ở vùng chân núi này hay thường bị gió to nước lớn làm ruộng đồng bị thiệt hại.

Trong sính lễ có một con ngựa chín hồng mao. Vậy nó phải là con ngựa phi thường, nó phải như thế nào mới được chọn trong sính lễ. Cho đến giờ thì người xưa có nhắc đến Ngựa Hạc (lông trắng toát), Ngựa Kim (lông trắng), Ngựa Hời (lông trắng, bốn chân đen), Ngựa Hồng (lông màu nâu –hồng), Ngựa Tía (lông màu đỏ thắm) vân... vân... vậy con ngựa **chín hồng mao** tức là phải có chín cái lông màu hồng, nó phải có nên mới có ghi chú trong truyền thuyết nhưng chắc chắn nó phải hiếm hoi như ngựa **hãn huyết** ((mỏ hôi đỏ như máu) (Hãn huyết bảo mã)) mà được mang về Trường An bởi Trương Kiên vào năm -114 trước Công nguyên.

Kích thước, tốc độ và sức mạnh của các con ngựa này làm hài lòng vua Hán Vũ Đế vô cùng. Ngài không ngần ngại đặt cho những con ngựa này với cái tên là « **thiên mã** » (tianma) (thiên mã = ngựa trời). Chính vì con ngựa này mà Hán Vũ Đế buộc lòng phải tổ chức cuộc thám hiểm quân sự tốn hao quá mức không chỉ về trang bị và ngựa mà còn nhân mạng nữa để có một kết quả không đáng với khoảng ba mươi con thiên mã và ba nghìn con ngựa giống và ngựa cái bình thường. Nói đúng ra Hán Vũ Đế cảm thấy bị sỉ nhục trước sự từ chối cung cấp các con ngựa này để đổi lấy quà tặng của nước Đại Uyên (Daiyuan), một tiểu vương quốc nằm ở trong thung lũng Ferghana. Con ngựa thiên mã này nó trở thành biểu tượng quyền lực của Hán Vũ Đế và cũng nhờ đó mới có sự ra đời của con đường tơ lụa.

Tuy là truyền thuyết nhưng chuyện Sơn Tinh Thủy Tinh cũng nói lên một phần nào lũ lụt thiên nhiên mà dân tộc ta phải cam chịu lúc còn cư trú ở hạ lưu sông Dương Tử (văn hóa Lương Chử) và cho đến ngày nay ở đất nước ta.

Nói đến ngựa chúng ta cũng không quên nhắc đến « **Trâm Mã Trà** ». Đây là một loại trà được chế biến từ búp trà lên men trong bao tử ngựa khiến nó có hương vị đặc biệt và làm giảm đi độ chát. Cách chế biến này được xuất phát từ núi Vu Sơn ở Tứ Xuyên. Để lấy được trà này, người ta phải bỏ đói ngựa vài ngày trước. Khi đến chân núi Vu Sơn thì ngựa được người thả ra. Bị bỏ đói gấp được rừng trà xanh non thì ngựa vội vã ăn cho tới khi no bụng. Sau đó, con ngựa bị lừa ra khe suối gần núi. Suối ở đây hay thường có lá trà rụng xuống khiến lá bị nát mủn nên nước suối có màu đen và được gọi là suối Ô Long. Ngựa uống nước suối xong xuôi thì được đưa trở về nơi xuất phát. Lá trà trong bụng ngựa đã ngấm đều với nước suối Ô Long và lên men sau khoảng một ngày đường đi. Lúc này con ngựa mới bị giết để lấy trà trong bao tử mà làm thành một loại trà độc đáo dành bán cho giới quý tộc. Cách chế biến này cũng không thua chi cách chế biến gan ngỗng ở Pháp quốc nhưng cách biến chế này có phần cầu kỳ và kinh dị.

Ai có đến Hà Nội thì sẽ có dịp đến viếng thăm đền Bạch Mã. Nó tọa lạc ngày nay ở phố Hàng Buồm. Đây là một trong tứ trấn của thành Thăng Long xưa: Đền **Quán Thánh** (trấn giữ phía Bắc kinh thành), Đền **Kim Liên** (trấn giữ phía Nam kinh thành), Đền **Voi Phục** (trấn giữ phía Tây kinh thành) và Đền **Bạch Mã** ((trấn giữ phía Đông)).

Đền Bạch Mã được xây dựng từ thế kỷ 9 để thờ thần Long Đỗ (Rồn Rồn). Khi vua Lý Thái Tổ dời đô từ Hoa Lư về Thăng Long thì ngài có ý đắp thành cho vững chắc nhưng lúc nào thành cũng bị sụp nên vua sai người

đi cầu khẩn thần Long Đỗ ở đền thì thấy một con ngựa trắng ở trong đền đi ra. Nhờ theo vết chân của ngựa, vua mới xây được thành vững chắc. Vua Lý Thái Tổ mới phong thần làm thành hoàng của kinh thành Thăng Long.

Trong sách chữ Hán lại có câu: « **Hồ Mã tê Bắc phong; Việt điều sào Nam chi** » có nghĩa là: Ngựa đất Hồ vào miền Trung nguyên thấy gió bắc thổi thì hí lên còn chim đất Việt vào miền Trung nguyên vẫn làm tổ ở cạnh phía Nam.

Theo truyền thuyết thì ngoài lễ sính vật như vàng ngọc châu báu, voi, tê giác, Hùng Vương còn biếu cho vua Tàu một con bạch trĩ. Con này được nuôi trong vườn thượng uyển. Lúc nào nó cũng kiếm đậu ở các cành cây hướng về phía nam. Bởi vậy mới có thành ngữ « **Chim Việt đậu cành Nam** » để ám chỉ **người Việt dù ở nơi nào đi nữa lúc nào cũng nhớ quê hương và nước non**. Còn con ngựa Hồ, đây là một phẩm cống mà Hán Vũ Đế nhận được từ nước Hồ nằm phía bắc Trung Hoa. Nó cứ buồn rầu không ăn uống chi cả chỉ khi có gió bắc thì nó hí lên một cách thảm thiết.

Như ta được biết ngựa rất trung thành với chủ nhân cũng như chó. Bởi vậy ở Việt Nam nơi nào có chùa của người Hoa thì có thờ Quan Vũ, một vị tướng nổi tiếng thời Tam Quốc thì bên cạnh ông luôn luôn có một con ngựa được tạc tượng tên **là Xích Thố**. Con ngựa này theo ông lập nhiều chiến công. Đến khi Quan Vũ bị giết, con ngựa Xích Thố này bỏ ăn rồi chết theo. Từ nay ngựa Xích Thố trong văn hóa dân gian lại gắn liền với hình tượng nhân vật Quan Vũ (Quan Công).

Mỗi năm được tượng trưng bởi một con vật trong Âm lịch nước ta. Năm 2026 là năm con ngựa (hay Ngọ) được chọn trong 12 con vật. Theo thuật số thì có 4 con vật xung khắc với nhau trong các năm tuổi như đã quy định trong câu: « **Tý Ngọ Mẹo Dậu tứ hành xung** ». Như vậy ai mà **tuổi ngọ năm nay là cái tuổi đang nhiều vận hạn** mà còn xung khắc với các năm Mẹo, Dậu và Tý.

Ở Việt Nam nhất là ở trong Nam hay thường dung chữ «ngựa » để ám chỉ các phụ nữ hư thân mất nết hay dữ tợn, lúc nào cũng lồng lên như ngựa thượng tứ. Ngựa này xuất phát từ cửa Thượng Tứ ở Huế, nơi có cái trại nuôi ngựa của hoàng gia. Ngựa nuôi ở đây là loại ngựa chiến, rất dữ tợn, lúc nào rùng rục nhất là với mùa hứng tình lồng lộn ư hí. Bởi vậy mới có sự kết hợp giữa từ dĩ của miền Bắc và từ ngựa Thượng Tứ ở miền Trung để rồi trở thành từ đó cái thói quen, lối chửi của người miền Nam để nói lên sự khinh miệt đối với các phụ nữ mất nết na thù mị và đoan trang.